

1.KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I TOÁN 7

TT (1)	Chương/Chủ đề (2)	Nội dung/đơn vị kiến thức (3)	Mức độ đánh giá (4-11)				Tổng % điểm (12)
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
1	Số hữu tỉ (14 tiết)	Số hữu tỉ và tập hợp các số hữu tỉ. Thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ	1 0,25đ				2,5%
		Các phép tính với số hữu tỉ		2 1,25đ	2 0,75đ		20 %
		Bài toán thực tế về tăng giảm %				1 1,0đ	10%
2	Số thực (14 tiết)	Số vô tỉ. Số thực	1 0,25đ	2 1,25đ	1 0,25đ		17,5%
3	Các hình khối trong thực tiễn (11 tiết)	Hình hộp chữ nhật			1 0,5đ		5 %
		Lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác			1 0,5đ		5 %
4	Các hình hình học cơ bản (14 tiết)	Góc ở vị trí đặc biệt.	1 1,0đ	1 0,5đ			15%
		Hai đường thẳng song song. Tiên đề Euclid về đường thẳng song song	1 0,5đ	1 1,0đ			15%
5	Một số yếu tố thống kê. (10 tiết)	Thu thập, phân loại, biểu diễn dữ liệu theo các tiêu chí cho trước	1 TL 1,0				10%
Tổng			5câu 3,0 điểm	6 câu 4,0 điểm	4 câu 2,0 điểm	1 câu 1 điểm	16 câu 10 điểm
Tỉ lệ %			30%	40%	20%	10%	100%
Tỉ lệ chung			70%		30%		100%

2. BẢN ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HKI TOÁN 7

T T	Chương/Chủ đề	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao

SỐ - ĐẠI SỐ (28 tiết)

1	Số hữu tỉ (18 tiết)	<i>Số hữu tỉ và tập hợp các số hữu tỉ. Thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ</i>	Nhận biết: - Nhận biết được số hữu tỉ - Nhận biết được tập hợp các số hữu tỉ. - Nhận biết được số đối của một số hữu tỉ.	1TL 0,25			
		<i>Các phép tính với số hữu tỉ</i>	Thông hiểu: - Mô tả được thứ tự thực hiện các phép tính, quy tắc dấu ngoặc, quy tắc chuyển vế trong tập hợp số hữu tỉ. Vận dụng: - Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số hữu tỉ. - Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số hữu tỉ trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lý)		2TL 1,25	2TL 0,75	1TL 1,0
2	Số thực (10 tiết)	<i>Số vô tỉ. Số thực</i>	Nhận biết: - Nhận biết được số thập phân hữu hạn và số thập phân vô hạn tuần hoàn. - Nhận biết được số vô tỉ, số thực, tập hợp các số thực. - Nhận biết được số đối của một số thực. - Nhận biết được giá trị tuyệt đối của một số thực.	1TL 0,25	1 TL 1,25	1TL 0,25	
HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG (26 tiết)							
3	Các hình khối trong thực tiễn (12 tiết)	<i>Hình hộp chữ nhật và hình lập phương</i>	Thông hiểu: - Mô tả được một số yếu tố cơ bản (đỉnh, cạnh, góc, đường chéo) của hình hộp chữ nhật và hình lập phương. Vận dụng: - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật, hình lập phương (ví dụ: tính thể tích hoặc diện tích xung quanh của một số đồ vật quen thuộc có dạng			1TL 0,5	

			hình hộp chữ nhật, hình lập phương,...).				
		Lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác	Thông hiểu: - Mô tả được hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác (ví dụ: hai mặt đáy là song song; các mặt bên đều là hình chữ nhật) và tạo lập được hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác.			1TL 0,5	
4	Các hình học cơ bản (14 tiết)	Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc	Nhận biết: - Nhận biết được các góc ở vị trí đặc biệt (hai góc kề bù, hai góc đối đỉnh). - Nhận biết được tia phân giác của một góc. - Nhận biết được cách vẽ tia phân giác của một góc bằng dụng cụ học tập.	1TL 1,0	1TL 0,5		
		Hai đường thẳng song song. Tiên đề Euclid về đường thẳng song song	Nhận biết: - Nhận biết được tiên đề Euclid về đường thẳng song song. Thông hiểu: - Mô tả được một số tính chất của hai đường thẳng song song. - Mô tả được dấu hiệu song song của hai đường thẳng thông qua cặp góc đồng vị, cặp góc so le trong, quan hệ giữa vuông góc và song song.	1TL 0,5đ	1TL 1,0		
MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ (10 tiết)							
5	Phân tích và xử lý dữ liệu (10 tiết)	Thu thập, phân loại, biểu diễn dữ liệu theo các tiêu chí cho trước	Thông hiểu : – Giải thích được tính hợp lí của dữ liệu theo các tiêu chí toán học đơn giản (ví dụ: tính hợp lí, tính đại diện của một kết luận trong phỏng vấn; tính hợp lí của các quảng cáo;...).	1 TL 1,0			

ĐỀ THAM KHẢO
(Đề có 2 trang)

Năm học: 2022-2023
Thời gian làm bài: 90 phút
(không kể thời gian phát đề)

Bài 1 (0,5 điểm): Tìm số đối của các số thực sau : $-\sqrt{50}$; $\frac{5}{7}$

Bài 2 (0,5 điểm): Viết GT và KL của định lí “Hai đường thẳng phân biệt cùng song song với một đường thẳng thứ ba thì chúng song song với nhau”

Bài 3 (2 điểm): Thực hiện phép tính:

a) $\sqrt{\frac{16}{25}} + \frac{-7}{2} + \left| \frac{-9}{10} \right|$

b) $1\frac{2}{5} + \left(1 - \frac{2}{3}\right)^2 - \frac{7}{10} : \frac{21}{20}$

c) $\frac{81^{10} \cdot 25^{14}}{3^{37} \cdot 125^{10}}$

Bài 4 (1,0 điểm): Tìm x biết :

a) $\left(-\frac{5}{9} + x\right) : \frac{18}{7} = -0,5$

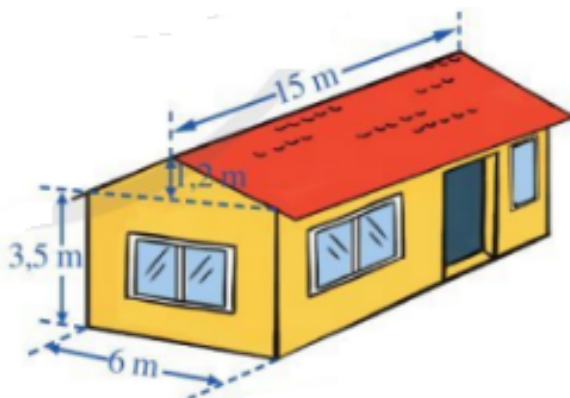
b) $\left|x - \frac{1}{4}\right| - \frac{2}{3} = \frac{5}{6}$

Bài 5 (1 điểm): Hãy quy tròn các số sau theo yêu cầu:

a) Quy tròn số $x = \sqrt{10} = 3,741657...$ với độ chính xác $d = 0,005$.

b) Quy tròn số 9 214 735 với độ chính xác $d = 500$

Bài 6 (1 điểm): Một ngôi nhà có cấu trúc và kích thước như hình bên.



Tính thể tích của phần không gian được giới hạn bởi ngôi nhà đó.

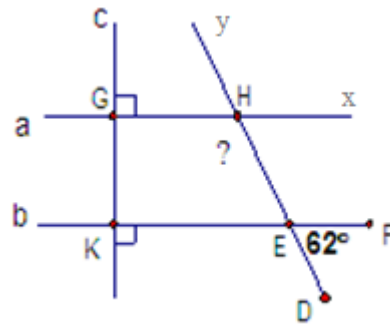
Bài 7 (2 điểm): Cho hình vẽ:

Biết $\widehat{DEF} = 62^\circ$

a) Chứng tỏ rằng $a // b$

b) Tính số đo của $\widehat{xHE}$; $\widehat{GHE}$?

c) Gọi tia Hz là tia phân giác góc yHx . Tính số đo góc yHz ?



Bài 8 (1 điểm): Tìm hiểu về sở thích yêu bóng chuyền của các bạn lớp 7B được ghi lại trong bảng sau:

Thái độ	Không thích	Không quan tâm	Thích	Rất thích
Số bạn nữ tự đánh giá	12	8	2	1

a) Hãy phân loại dữ liệu trong bảng thống kê trên dựa trên tiêu chí định tính và định lượng.

b) Dữ liệu trên có đại diện được cho thái độ đối với môn bóng chuyền của tất cả học sinh lớp 7B được không? Vì sao?

Bài 9 (1 điểm): Một cửa hàng bán quần áo có chương trình khuyến mãi như sau:

Khách hàng có thẻ thành viên sẽ được giảm 15% tổng số tiền của hóa đơn.

Bạn Bình có thẻ thành viên, bạn mua hai chiếc áo sơ mi, mỗi áo đều có giá 200 000 đồng và một quần Jeans với giá 350 000 đồng. Bạn đưa cho người thu ngân 1 triệu đồng. Hỏi bạn Bình được trả lại bao nhiêu tiền?

---HẾT---

ĐÁP ÁN & HƯỚNG DẪN CHẤM

Môn : Toán – Lớp: 7

<u>Bài</u>	<u>Đáp án</u>	<u>Điểm</u>
1	- Số đối của $-\sqrt{50}$ là $\sqrt{50}$ $\frac{5}{7}$ $\frac{5}{7}$ - Số đối của $\frac{5}{7}$ là $-\frac{5}{7}$	0,25 0,25
2	- Giả thiết: Hai đường thẳng phân biệt cùng song song với một đường thẳng thứ 3 - Kết luận: chúng song song với nhau	0,25 0,25
3	$a) \sqrt{\frac{16}{25} + \frac{-7}{2} + \left \frac{-9}{10} \right } = \frac{4}{5} + \frac{-7}{2} + \frac{9}{10}$ $= \frac{8-35+9}{10}$ $= \frac{-18}{10} = \frac{-9}{5}$	0,25 0,25 0,25
	$b) 1\frac{2}{5} + \left(1 - \frac{2}{3}\right)^2 - \frac{7}{10} : \frac{21}{20} = \frac{7}{5} + \left(\frac{3}{3} - \frac{2}{3}\right)^2 - \frac{7}{10} \cdot \frac{20}{21}$ $= \frac{7}{5} - \left(\frac{1}{3}\right)^2 - \frac{2}{3} = \frac{7}{5} - \frac{1}{9} - \frac{2}{3}$ $= \frac{63-5-15}{45} = \frac{43}{45}$	0,25 0,25 0,25
	$c) \frac{81^{10} \cdot 25^{14}}{3^{37} \cdot 125^{10}} = \frac{(3^4)^{10} \cdot (5^2)^{14}}{3^{37} \cdot (5^3)^{10}} = \frac{3^{40} \cdot 5^{28}}{3^{37} \cdot 5^{30}}$ $= \frac{3^3}{5^2} = \frac{27}{25}$	0,25 0,25
4	$\left(-\frac{5}{9} + x\right) : \frac{18}{7} = -0,5$ $\frac{-5}{9} + x = \frac{-1}{2} \cdot \frac{18}{7}$ $\frac{-5}{9} + x = \frac{-9}{7}$ $x = \frac{-9}{7} + \frac{5}{9}$ $x = \frac{-81+35}{63}$ $x = \frac{-46}{63}$ a)	0,25 0,25

	b) $\left x - \frac{1}{4}\right = \frac{5}{6}$ $x - \frac{1}{4} = \frac{5}{6} \quad \text{hoặc} \quad x - \frac{1}{4} = \frac{-5}{6}$ $x = \frac{5}{6} + \frac{1}{4} \quad \quad \quad x = \frac{-5}{6} + \frac{1}{4}$ $x = \frac{10}{12} + \frac{3}{12} \quad \quad \quad x = \frac{-10}{12} + \frac{3}{12}$ $x = \frac{13}{12} \quad \quad \quad x = \frac{-7}{12}$	0,25.2
5	$x = \sqrt{10} = 3,741657... \approx 3,74$ $9\,214\,735 \approx 9\,215\,000$	0,25 0,25
6	Thể tích phần không gian có dạng hình lăng trụ tam giác là: $V_1 = (6.1,2:2).15 = 54 \text{ (m}^3\text{)}$ Thể tích phần không gian có dạng hình hộp chữ nhật là: $V_2 = 15.6.3,5 = 315 \text{ (m}^3\text{)}$ Thể tích phần không gian được giới hạn bởi ngôi nhà đó là: $V = V_1 + V_2 = 54 + 315 = 369 \text{ (m}^3\text{)}$	0,25 0,5 0,25
7	a) Ta có $\begin{cases} a \perp c \\ b \perp c \end{cases}$ $\Rightarrow a // b$	0,25 0,25
	b) Ta có : $\widehat{xHE} = \widehat{FED}$ (Hai góc đồng vị; a//b) Mà $\widehat{FED} = 62^\circ$ Nên $\widehat{xHE} = 62^\circ$ Ta có $\widehat{xHE} + \widehat{GHE} = 180^\circ$ (Kề bù) $62^\circ + \widehat{GHE} = 180^\circ$ $\widehat{GHE} = 180^\circ - 62^\circ$ $\widehat{GHE} = 118^\circ$	0,25 0,25 0,25 0,25
	c) Ta có : $\widehat{yHx} = \widehat{GHE}$ (Hai góc đối đỉnh) Mà $\widehat{GHE} = 118^\circ$	0,25 0,25

	Nên $\angle Hx = 118^\circ$ Vì tia Hx là tia phân giác của $\angle yHx$ nên ta có: $\angle yHz = \angle Hx = \angle yHx ; 2 = 118^\circ ; 2 = 59^\circ$	
8	a/ - Dữ liệu định tính là: Thái độ. - Dữ liệu định lượng là: số bạn nữ tự đánh giá. b/ - Dữ liệu trên chưa đại diện được cho thái độ đối với môn bóng chuyền của tất cả học sinh lớp 7B được vì đối tượng khảo sát còn thiếu các bạn nam.	0,25 0,25 0,5
9	Số tiền bạn Bình mua hai chiếc áo sơ mi và một quần Jeans sau khi giảm giá: $(100\% - 15\%).(2.200000 + 350000) = 637500$ (đồng). Số tiền Bình được trả lại: $1000000 - 637500 = 362500$ (đồng)	0,5 0,5